

Số: 11/2023/QĐ-PQTT

Hà Nội, ngày 28, 29 tháng 06 năm 2023

QUYẾT ĐỊNH
VỀ VIỆC HỦY PHÁN QUYẾT TRỌNG TÀI
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Với Hội đồng xét đơn yêu cầu gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Nguyễn Thị Hồng Hạnh.

Các Thẩm phán : Ông Bùi Đức Bằng

Ông Nguyễn Xuân Tuấn

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân TP Hà Nội: Bà Nguyễn Thị Hoa - KSV.

Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội: Ông Nguyễn Trung Kiên.

Ngày 28, 29 tháng 06 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội, đã tiến hành mở phiên họp giải quyết việc Kinh doanh thương mại thụ lý số: 09/2022/TLST - KDTM ngày 1 tháng 7 năm 2022 về việc: “Yêu cầu hủy phán quyết trọng tài” theo Quyết định mở phiên họp số : 340/QĐ-TT ngày 06/6/2023 giữa:

Bên yêu cầu : Công ty cổ phần đầu tư T (gọi tắt Công ty T)

Trụ sở : Ô A9 lô 1 phường Bãi Cháy, Thành phố Hạ Long, Tỉnh Quảng Ninh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bá V - Tổng giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị C, bà Hà Huyền L. Giấy ủy quyền số 03/2022 ngày 11/7/2022.

Người bảo vệ quyền và lợi ích của Công ty T: Ông Đào Trung K, bà Lê Thị Phương M – Luật sư Công ty Luật TNHH Toàn dân.

Bên liên quan: ABSOLUTE HOTEL SERVICE I (gọi tắt A)

Trụ sở : 908 Dominion Centre, 43 – 59 Queen’s Road East, Wanchai, HongKong

Đại diện theo pháp luật: Ông Wigley Jonathan M

Đại diện theo ủy quyền: Công ty Luật TNHH Hồng Bách và cộng sự

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Văn Đức N, ông Nguyễn Đức T.

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu huỷ Phán quyết trọng tài của Công ty T đối với Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 của Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (sau đây gọi tắt là VIAC) và các tài liệu chứng cứ khác có liên quan.

NỘI DUNG VỤ TRANH CHẤP

Theo Đơn yêu cầu Công ty T trình bày nội dung vụ việc như sau:

Ngày 11/8/2021, VIAC đã ra Phán quyết trọng tài tranh chấp số 64/20, đến ngày 18/3/2022 Công ty T mới nhận được Bản sao Phán quyết trọng tài số 64/20

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 68 Luật Trọng tài Thương mại năm 2010, thì Phán quyết trọng tài nêu trên trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam do vậy Công ty T yêu cầu Hủy Phán quyết nêu trên vì các lý do sau:

1. Trọng tài không xem xét quy định của Luật kinh doanh bất động sản, Luật nhà ở khi nhận định về hiệu lực của các Hợp đồng :

Tại phần E, khoản 22, mục (ii), khi xem xét về hiệu lực của các hợp đồng đã ký, Hội đồng trọng tài cho rằng: “Pháp luật Việt Nam không bắt buộc nguyên đơn phải đăng ký kinh doanh với cơ quan nhà nước có thẩm quyền ở Việt Nam để thực hiện các nội dung công việc thuộc các trường hợp đã ký.”

Theo hồ sơ vụ việc, A là một doanh nghiệp nước ngoài, được thành lập theo quy định của Hồng Kông và là công ty con của tập đoàn A tại Thái Lan. Khi tiến hành các hoạt động kinh doanh, cung cấp dịch vụ tại Việt Nam, A phải tuân thủ các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên, các Hiệp định Thương mại giữa Việt Nam và Hồng Kông – Trung Quốc, đồng thời tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam. Do vậy, khi xem xét về hiệu lực của các hợp đồng đã ký giữa Công ty T và A, Trọng tài cần xem xét toàn diện quy định của pháp luật quốc tế cũng như pháp luật của Việt Nam.

Về pháp luật quốc tế, theo các hiệp định thương mại giữa Việt Nam và Hồng Kông - Trung Quốc, hiện có 02 hiệp định thương mại nhưng không có điều khoản cấm hoặc hạn chế việc cung cấp dịch vụ quản lý khách sạn xuyên biên giới của A. Theo Biểu cam kết 318/WTO/CK của Chính Phủ Việt Nam về dịch vụ, dịch vụ tư vấn quản lý khách sạn thuộc phân ngành (CPC 865 - dịch vụ tư vấn quản lý) và không bị hạn chế việc cung cấp dịch vụ xuyên biên giới cũng như thành lập chi nhánh ở Việt Nam tại thời điểm ký hợp đồng.

Về pháp luật Việt Nam, theo quy định của Luật doanh nghiệp 2014 có hiệu lực tại thời điểm các bên ký kết hợp đồng, Luật doanh nghiệp không bắt buộc A phải đăng ký kinh doanh. Tuy nhiên, tại lĩnh vực quản lý chuyên ngành, Luật kinh doanh bất động sản và Luật nhà ở có quy định buộc A phải đáp ứng các điều kiện nhất định để hoạt động kinh doanh dịch vụ quản lý khách sạn và các dịch vụ tư vấn khác tại Việt Nam.

Theo Khoản 1, Điều 75 của Luật kinh doanh bất động sản năm 2014 quy định:
“Điều 75. Dịch vụ quản lý bất động sản

1. Tổ chức, cá nhân kinh doanh dịch vụ quản lý bất động sản phải thành lập doanh nghiệp. Trường hợp kinh doanh dịch vụ quản lý nhà chung cư, tòa nhà hỗn hợp có mục đích để ở thì phải có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật về nhà ở ...

Theo quy định tại Điều 3 của Luật nhà ở 2014:

“Điều 3. Giải thích từ ngữ

3. Nhà chung cư là nhà có từ 2 tầng trở lên, có nhiều căn hộ, có lối đi, cầu thang chung, có phần sở hữu riêng, phần sở hữu chung và hệ thống công trình hạ tầng sử dụng chung cho các hộ gia đình, cá nhân, tổ chức, bao gồm nhà chung cư được xây dựng với mục đích để ở và nhà chung cư được xây dựng có mục đích sử dụng hỗn hợp để ở và kinh doanh.”

Theo Luật du lịch năm 2017, Khách sạn được coi là một cơ sở lưu trú du lịch, là nơi cung cấp dịch vụ phục vụ nhu cầu lưu trú của khách du lịch.

Khách sạn do Công ty T là chủ đầu tư là một tòa nhà hỗn hợp có chức năng vừa để ở, vừa để kinh doanh, có khoảng 350 phòng, được phát triển theo mô hình khách sạn nghỉ dưỡng (condotel). Do vậy, Khách sạn do Công ty T là chủ đầu tư cũng được coi là một trong những loại hình nhà chung cư và chịu sự điều chỉnh Luật nhà ở.

Theo quy định tại Điều 105 của Luật nhà ở năm 2014:

Điều 105. Quản lý vận hành nhà chung cư ...

2. Đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư phải có đủ điều kiện về chức năng và năng lực theo quy định sau đây:

a) Được thành lập, hoạt động theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc Luật hợp tác xã và có chức năng quản lý vận hành nhà chung cư;

b) Phải có các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ về quản lý vận hành nhà chung cư bao gồm bộ phận kỹ thuật, dịch vụ, bảo vệ an ninh, vệ sinh, môi trường;

c) Có đội ngũ cán bộ, nhân viên đáp ứng yêu cầu về quản lý vận hành nhà ở bao gồm lĩnh vực xây dựng, kỹ thuật điện, nước, phòng cháy, chữa cháy, vận hành trang thiết bị gắn với nhà chung cư và có giấy chứng nhận đã được đào tạo, bồi dưỡng kiến thức chuyên môn nghiệp vụ về quản lý vận hành nhà chung cư theo quy định của Bộ trưởng Bộ Xây dựng...”

Theo quy định tại Khoản 9, Điều 3 của Thông tư 28/2016/TT-BXD có hiệu lực tại thời điểm Công ty T và A ký các hợp đồng:

“Điều 3. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Quy chế quản lý, sử dụng nhà chung cư ban hành kèm theo Thông tư số 02/2016/TT-BXD ngày 15 tháng 2 năm 2016 như sau:

...9. Điều 28 được sửa đổi, bổ sung như sau:

“Điều 28. Công khai thông tin về đơn vị quản lý vận hành nhà chung cư

1. Khi đáp ứng đủ Điều kiện về chức năng, năng lực để thực hiện quản lý vận hành nhà chung cư, đơn vị quản lý vận hành có văn bản ghi rõ tên, địa chỉ, số điện thoại liên lạc kèm theo bản sao có chứng thực các giấy tờ chứng minh đủ Điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 105 của Luật Nhà ở gửi Sở Xây dựng nơi đơn vị quản lý vận hành đặt trụ sở chính hoặc Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản. Sở Xây dựng nơi đơn vị quản lý vận hành đặt trụ sở chính, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản kiểm tra hồ sơ, nếu đủ Điều kiện thì đăng tải công khai thông tin trên Cổng thông tin điện tử của đơn vị mình để phục vụ công tác quản lý; trường hợp chưa đủ giấy tờ thì Sở Xây dựng, Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản thông báo đề nghị đơn vị quản lý vận hành bổ sung các giấy tờ còn thiếu... ”

Như vậy, để kinh doanh dịch vụ quản lý khách sạn tại Việt Nam, A phải đảm bảo có các bộ phận chuyên môn nghiệp vụ về quản lý vận hành nhà chung cư bao gồm bộ phận kỹ thuật, dịch vụ, bảo vệ an ninh, vệ sinh, môi trường, có đội ngũ nhân viên được đào tạo và có giấy chứng nhận chuyên môn về quản lý vận hành của Bộ xây dựng. Không những vậy, sau khi đáp ứng đủ điều kiện năng lực thì A có trách nhiệm phải thông báo tới Cục quản lý nhà và thị trường bất động sản (do A không có trụ sở chính tại Việt Nam) để công bố công khai thông tin về đơn vị quản lý vận hành.

Tuy nhiên, tại Phán quyết trọng tài 64/20 khi xem xét về hiệu lực của các hợp đồng đã ký, Hội đồng trọng tài không xem xét đến các quy định của Luật nhà ở năm 2014 để đánh giá về năng lực, thẩm quyền của A khi ký kết các hợp đồng này là thiếu sót và không khách quan, không đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

2. A có thể không có đủ chức năng, thẩm quyền để ký kết và thực hiện các hợp đồng quản lý khách sạn:

Tại trang phần E, khoản 22, mục (iii), khi xem xét về hiệu lực của các hợp đồng đã ký, Hội đồng trọng tài cho rằng nội dung của các hợp đồng đã ký giữa A và Công ty T không thuộc trường hợp bị vô hiệu theo quy định tại điều 123 Bộ luật dân sự 2015.

Tuy nhiên, như đã nêu trên, Hội đồng trọng tài đã không xem xét đến các điều kiện kinh doanh dịch vụ tư vấn và quản lý khách sạn theo quy định của Luật nhà ở 2014 để đánh giá năng lực của A khi ký kết hợp đồng. Trường hợp A không đáp ứng được các tiêu chí nêu trên thì A không đủ năng lực, điều kiện để kinh doanh dịch vụ quản lý khách sạn tại Việt Nam, các hợp đồng A đã ký với Công ty T có thể bị vô hiệu do A không đủ thẩm quyền ký kết.

3. Phán quyết trọng tài có nội dung không đúng với sự thật khách quan trong việc áp dụng tiêu chuẩn quản lý Khách sạn theo Hợp đồng quản lý khách sạn

Cụ thể tại điểm (ii) Mục 42 của Phán quyết, Hội đồng trọng tài nhận định các phần mềm quản lý (bao gồm phần mềm Comanche và phần mềm MyHR) là những công cụ quản lý của A, được A sử dụng để thực hiện Hợp đồng quản lý đã ký với Công ty T. Do đó, trong thời gian Hợp đồng quản lý có hiệu lực, việc thay đổi các công cụ quản lý nói trên vì bất cứ lý do gì cũng cần phải có sự trao đổi và chấp thuận của A với tư cách là Nhà quản lý được Công ty T thuê theo Hợp đồng.

Tuy nhiên, Điều 3.1.a của Hợp đồng quản lý nói rằng Khách sạn được vận hành theo tiêu chuẩn và cấp độ không thấp hơn các Tiêu chuẩn mà Nhà quản lý xác định chứ không bắt buộc Khách sạn phải sử dụng phần mềm của A mà không thể thay thế bằng phần mềm có chất lượng tốt hơn.

Như Công ty T đã lập luận trong Bản tự bảo vệ và những ý kiến gửi Hội đồng trọng tài trong quá trình tố tụng, phần mềm MyHR có chi phí rất cao, gửi ý kiến cho A (Công văn 63/2020/CV-THL ngày 19/06/2020) về việc không áp dụng phần mềm này do tình hình dịch bệnh Covid-19 và không phù hợp với tình hình tài chính của Công ty T tại thời điểm đó. Công ty T cũng đã có văn bản trả lời (23/06/2020) rằng sẽ xem xét lùi lại thời gian triển khai phần mềm này sau khi được hai bên thống nhất.

Đối với phần mềm Comanche, Công ty T đã nêu rất rõ phần mềm này không đáp ứng được việc quản lý và vận hành khách sạn, gây thiệt hại về uy tín nghiêm trọng cho Công ty. Thực tế phần mềm này không có phiếu thu, phiếu chi, nhập xuất hàng hóa, không thể xuất được hóa đơn cho khách hàng dẫn đến khách hàng đến thuê phòng Khách sạn phải đợi quá lâu do phải viết tay các chứng từ này. Có khách hàng đã bỏ về và Chủ đầu tư phải đích danh xin lỗi khách hàng. Thời điểm này, Mr. Timothy Rawlinson Tổng Giám đốc Khách sạn đã trao đổi với đại diện IT của A bên Thái Lan và phía VNPT về việc cài đặt thêm phần mềm của bên VNPT vào phần mềm Comanche để có tích hợp hóa đơn điện tử cho Khách sạn, tuy nhiên vẫn không có hướng giải quyết thỏa đáng. Để chứng minh điều này, Công ty T đã cung cấp cho Hội đồng trọng tài các email trao đổi về sự cố xuất hóa đơn của phần mềm giữa Mr. Timothy Rawlinson - Tổng Giám đốc Khách sạn với đại diện IT của A bên Thái Lan.

Việc Hội đồng trọng tài không xem xét các chứng cứ chứng minh luận điểm của Công ty T nói trên mà cho rằng Công ty T vi phạm Hợp đồng quản lý là không đúng với sự thật khách quan và không phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Hợp đồng quản lý.

4. Phán quyết có nội dung nhận định không đúng sự thật khách quan về việc Ủy quyền quản lý Khách sạn và Kế hoạch kinh doanh hằng năm.

Tại trang điểm (iv), mục 42 của Phán quyết, Hội đồng trọng tài không chấp thuận nội dung: Công ty T cho rằng chưa có văn bản Ủy quyền quản lý khách sạn và Kế hoạch kinh doanh hàng năm chưa được phê duyệt nên chưa phát sinh quyền quản lý Khách sạn của Nguyên đơn, bởi Hội đồng trọng tài cho rằng Công ty T có lỗi do chậm trễ trong việc phản hồi về Kế hoạch kinh doanh hàng năm cũng như chậm trễ ban hành Ủy quyền quản lý Khách sạn.

Điều này là không đúng sự thật khách quan, bởi ngay sau khi A gửi Kế hoạch kinh doanh hàng năm ngày 12/05/2020, giữa A và Công ty T đã tổ chức rất nhiều cuộc họp trực tuyến để trao đổi về vấn đề này. Công ty T đã nêu rất rõ về việc Công ty T không chấp thuận Bản Kế hoạch kinh doanh hàng năm do A gửi trước đó và lý do không chấp thuận tại bản tự bảo vệ gửi VIAC, cụ thể:

“Trên thực tế, do tình hình dịch bệnh Covid trên thế giới và Việt Nam nên ngày khai trương Khách sạn đã bị kéo dài. Theo đó, Chủ đầu tư và Nhà quản lý đã phải xác định, thống nhất về ngày khai trương làm căn cứ và mục tiêu thực hiện các quyền và nghĩa vụ của hai bên để hướng tới xác lập Thời hạn quản lý. Vì thế, Chủ đầu tư đã có các văn bản (ngày 22/5/2020; 19/6/2020; 29/6/2020; Cuộc họp trực tiếp với Mr Timothy) thông báo và đề nghị Nhà quản lý phối hợp, thực hiện đúng các nghĩa vụ, nhằm đảm bảo Khách sạn được khai trương không muộn hơn ngày 01/7/2020.

Trước khi Khách sạn được khai trương, bản Kế hoạch kinh doanh hàng năm bằng tiếng Anh do A đệ trình đã chưa thể được Công ty T phê duyệt là do cần chỉnh sửa kế hoạch kinh doanh cho phù hợp với điều kiện, tình hình kinh doanh mới, đảm bảo tính khả thi và hiệu quả. Đề nghị này của Công ty T đã được Mr. Timothy Rawlinson có ý kiến trong cuộc họp trực tiếp rằng; sẽ xem xét lại các đề nghị của Công ty T và phản hồi lại cho Chủ đầu tư, nhưng do Khách sạn đang gấp rút chuẩn bị cho khai trương nên việc giải trình sẽ thực hiện sau khi Khách sạn đi vào hoạt động chính thức.

Đại diện của A là Mr. Jonathan Wigley – Tổng giám đốc A cũng đã không hề có ý kiến phức tạp, hoàn thiện bản Kế hoạch kinh doanh theo yêu cầu của Công ty T.

Do vậy, việc A đơn phương chấm dứt Hợp đồng quản lý khách sạn với Công ty T khi mà hai bên còn chưa thống nhất và xác lập xong Ủy quyền quản lý Khách sạn và bản Kế hoạch kinh doanh hàng năm với cáo buộc Công ty T vi phạm các Tiêu chuẩn được Nhà quản lý xác định và can thiệp làm A chấm dứt hoàn toàn việc quản lý và vận hành khách sạn là không có căn cứ.”

Hội đồng trọng tài không làm rõ, không đối chất giữa các bên để làm rõ về việc giữa A và Công ty T đã tổ chức rất nhiều cuộc họp trực tuyến để trao đổi về Kế hoạch

kinh doanh hằng năm và tự kết luận việc Công ty T không phản hồi về Kế hoạch Kinh doanh hằng năm là không đúng sự thật khách quan.

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 3 Điều 68 Luật Trọng tài thương mại năm 2010, Công ty T làm đơn này kính đề nghị quý Tòa ra quyết định về việc hủy phán quyết trọng vụ tranh chấp số 64/20 nêu trên.

A có ý kiến như sau:

A không đồng ý với việc Công ty T yêu cầu hủy phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 64/20 do đã hết thời hạn theo quy định tại Điều 69 Luật trọng tài thương mại. Bởi:

Ngày 04/11/2021, VIAC có Công văn số 1379/VIAC trả lời Công văn số 52/2021/CV-THL của Công ty T với nội dung VIAC xác nhận ngày 12/8/2021 VIAC đã gửi Phán quyết trọng tài tới đại diện theo ủy quyền của Công ty T theo thông tin địa chỉ như sau:

Người nhận: Ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang

Địa chỉ: Phòng 2501, tầng 25, tòa nhà Icon4, số 243A Đê La Thành, phường Láng Thượng, quận Đống Đa, TP Hà Nội

Số điện thoại: 0912 061 200/ 0968 610 240

Mã số vận đơn: EF107321400VN

Bên cạnh đó VIAC cũng đã xác nhận vận đơn đã được phát thành công Phán quyết trọng tài vụ việc số 64/20 đã được gửi theo đúng quy định tại Điều 12 Luật trọng tài thương mại và Điều 3 Quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC.

Tra cứu mã vận đơn nêu trên, A thấy vận đơn đã được phát thành công vào hồi 12:17:08 ngày 17/08/2021. Theo quy định tại điều 69 Luật Trọng tài thương mại thì Công ty T chỉ có quyền yêu cầu Tòa án hủy Phán quyết trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày 18/8/2021 đến ngày 18/9/2021. Như vậy tính đến thời điểm ngày 05/4/2022, Công ty T mới có đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài gửi đến Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thì đã hết thời hạn yêu cầu Tòa án hủy Phán quyết trọng tài theo quy định tại Điều 69 Luật trọng tài thương mại (chậm 8 tháng). Từ những căn cứ nêu trên, A đề nghị Quý Tòa ban hành Quyết định đình chỉ vụ việc kinh doanh thương mại sơ thẩm số 09/2022/KTST do đã hết thời hạn theo quy định pháp luật.

Tại phiên họp vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hà Nội có quan điểm:

Về tố tụng: Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty T nộp đúng thời gian luật định, đã nộp lệ phí xét đơn nên việc thụ lý việc kinh doanh thương mại là đúng quy định của pháp luật.

Hội đồng xét đơn đã tuân thủ đúng quy định pháp luật tố tụng, đương sự đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đủ cơ sở xác định VIAC đã giao Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 cho Công ty T vào ngày 17/8/2021 theo đúng Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC, do vậy ngày 6/4/2022 Công ty T nộp Đơn yêu cầu Hủy Phán quyết trọng tài là quá thời hạn theo quy định tại điều 69 Luật Trọng tài thương mại. Do vậy đề nghị Hội đồng phiên họp đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 của Công ty T.

XÉT THẤY

Sau khi xem xét Đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ việc, ý kiến của những người được Tòa án triệu tập đến phiên họp và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét đơn nhận thấy:

*** Về tố tụng:**

1/ *Về thẩm quyền:*

+ Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 về tranh chấp Hợp đồng do Hội đồng trọng tài thuộc VIAC có trụ sở tại Hà Nội ban hành, do vậy Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội tiến hành thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 2 Điều 31 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm g khoản 2, khoản 3 Điều 7 Luật trọng tài thương mại.

+ Ngày 11/8/2021 Hội đồng trọng tài thuộc VIAC đã ra Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 về tranh chấp Hợp đồng.

Tại điểm 4 Mục IV Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 đã quyết định: “ *Phán quyết trọng tài này là chung thẩm, ràng buộc các bên và có hiệu lực kể từ ngày lập, tức ngày 11/8/2021*”

Khoản 1 điều 69 Luật trọng tài thương mại quy định: “ *Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được phán quyết trọng tài, nếu một bên có đủ căn cứ để chứng minh rằng Hội đồng trọng tài đã ra phán quyết thuộc một trong những trường hợp tại khoản 2 điều 68 của Luật này, thì có quyền làm đơn gửi Tòa án có thẩm quyền yêu cầu hủy phán quyết trọng tài*”

+ Các tài liệu có trong hồ sơ thể hiện:

- Công ty T do ông Nguyễn Bá Vinh là Người đại diện theo pháp luật đã ký Giấy ủy quyền số 03/GUQ-THL ngày 18/2/2020 với nội dung: “ *Công ty T ủy quyền toàn bộ cho ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang địa chỉ: Phòng 2501 Tầng*

25 Tòa nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội để tham gia tố tụng tại VIAC”

- Văn bản trả lời của Tổng công ty chuyên phát nhanh bưu điện thể hiện: “ Ngày 14/8/2021, Trung tâm dịch vụ Hoàn Kiếm – Bưu điện Hà Nội có nhận 01 Bưu gửi EMS số hiệu EF 107321400VN. Ngày 17/8/2021 Bưu cục phát Đống Đa 2 đã phát đến địa chỉ người nhận vào ngày 17/8/2021. Do thời gian này đang trong giai đoạn thực hiện Chỉ thị 16 phòng chống dịch COVID 19 nên Bưu tá không phát trực tiếp cho người nhận mà phát vào quầy lễ tân, chị Thanh quầy lễ tân đã nhận và phát cho anh Thắng – nhân viên Công ty Luật Hà Việt”

- Ông Đặng Minh Tuệ, ông Bùi Hữu Thắng, bà Nguyễn Thị Hương Giang, luật sư Nguyễn Trọng Thắng thuộc Công ty Luật Hà Việt đều có lời khai: “ Tại thời điểm ngày 17/8/2021 Thành phố Hà Nội đang thực hiện giãn cách xã hội do dịch bệnh COVID 19 do vậy Tòa nhà bị phong tỏa, Văn thư của Ban quản lý Tòa nhà có nhận Thư và giao lại cho các đơn vị trong Tòa nhà. Nhân viên của Công ty Luật Hà Việt không nhận được Phán quyết trọng tài nêu trên”.

- Bà Nguyễn Phương Thanh – Ban quản lý Tòa nhà ICON4, số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội cung cấp thông tin: “ Tầng 25 Tòa nhà ICON 4 có Công ty TNHH Luật Hà Việt. Tại thời điểm ngày 17/8/2021 do dịch bệnh COVID 19 và do giãn cách xã hội nên Ban quản lý Tòa nhà có giao nhiệm vụ cho bà Thanh – Nhân viên lễ tân nhận thư của Tòa nhà và sau đó giao lại cho các đơn vị tại lễ tân tầng 1, khi giao nhận đều có ký số. Bà Thanh xác nhận có ký nhận bưu phẩm EF 107321400VN. Ngày 17/8/2021 tại quầy lễ tân bà Thanh giao cho anh Thắng – Tầng 25 Công ty Luật Hà Việt 04 thư”

Căn cứ Chỉ thị số 17/CT-UBND ngày 23/7/2021, Công điện số 18/CĐ-UBND ngày 06/8/2021, Công điện số 19/CĐ-UBND ngày 21/8/2021, Công điện số 21/CĐ-UBND ngày 13/10/2021 của Chủ tịch UBND Thành phố Hà Nội thể hiện UBND Thành phố Hà Nội thực hiện “ cách ly toàn xã hội trên địa bàn toàn Thành phố Hà Nội từ 6h ngày 24/7/2021 đến 6h ngày 6/9/2021. Từ 6h ngày 14/10/2021 các cơ quan, công sở, tổ chức, doanh nghiệp trở lại hoạt động bình thường”.

Thấy rằng trong suốt thời gian từ 24/7/2021 đến 14/10/2021 Toàn Thành phố Hà Nội thực hiện giãn cách xã hội và Phòng chống COVID 19, do vậy việc ông Đặng Minh Tuệ và bà Nguyễn Thị Hương Giang có lời khai cho rằng thời điểm đó ông bà ở nhà và không nhận được Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 là có căn cứ.

Khoản 2,3 điều 3 Quy tắc tố tụng Trọng tài VIAC quy định: “ *Thông báo, tài liệu do Trung tâm gửi tới các bên theo địa chỉ được các bên cung cấp và có thể gửi bằng cách giao trực tiếp, thư bảo đảm. Thông báo, tài liệu do Trung tâm gửi tới các bên được coi là đã nhận vào ngày mà các bên đã nhận hoặc coi là đã nhận vào ngày giao thông báo, tài liệu đó được gửi phù hợp với khoản 2 của điều này*”

Như dẫn chứng nêu trên Văn bản mới phát đến Văn thư Tòa nhà ICON 4 số 243A Đê La Thành, Phường Láng Thượng, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội. Văn thư Tòa nhà ICON 4 cho rằng đã giao Thư cho nhân viên Công ty Luật Hà Việt nhưng sổ giao không có chữ ký nhận của nhân viên Công ty Luật Hà Việt. Tuy nhiên ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang không thừa nhận đã nhận Văn bản nêu trên và cũng không có tài liệu chứng cứ chứng minh ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang đã trực tiếp nhận được Phán quyết trọng tài nêu trên. Do vậy thấy rằng chưa có đủ cơ sở để khẳng định ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang đã nhận được Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 .

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ và dẫn chứng nêu trên không chứng minh được VIAC đã gửi Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 cho ông Đặng Minh Tuệ, bà Nguyễn Thị Hương Giang theo đúng quy định của Khoản 2, 3 điều 3 Quy tắc tố tụng Trọng tài VIAC.

Thấy rằng, ngày 15/10/2021 Công ty T gửi Văn bản đến VIAC cho rằng chưa nhận được Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 là phù hợp. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ, Văn bản trả lời của VIAC thể hiện ngày 17/3/2022 Công ty T nhận được Bản sao Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 do VIAC gửi, do vậy ngày 6/4/2022 Công ty T gửi Đơn yêu cầu Hủy Phán quyết Trọng tài Vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 đến Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội là trong thời hạn được quy định tại khoản 1 điều 69 Luật Trọng tài thương mại.

2/ Về yêu cầu Hủy Phán quyết trọng tài

* Về thỏa thuận trọng tài:

Tại phiên họp Công ty T cho rằng theo thỏa thuận trong Hợp đồng thì hai bên chưa thỏa thuận cụ thể về việc VIAC có thẩm quyền giải quyết vụ việc.

Xét thấy tại điểm a điều 18.2 Hợp đồng quản lý khách sạn ngày 25/1/2018, điểm a điều 11.5 Hợp đồng sử dụng bản quyền khách sạn ngày 25/1/2018, điểm a điều 8 Hợp đồng dịch vụ tổng thể ngày 19/9/2019, điều 6 Hợp đồng dịch vụ tư vấn ngày 1/12/2019 quy định: *Cơ quan có thẩm quyền theo chỉ định là VIAC*, do vậy việc Công ty T yêu cầu hủy Phán quyết Trọng tài do không có thỏa thuận cụ thể về trọng tài VIAC giải quyết là không có căn cứ để chấp nhận. Trong suốt quá trình giải quyết vụ việc tại

VIAC, Công ty T không phản đối về Thẩm quyền trọng tài nên Công ty T bị mất quyền phản đối theo điều 13 Luật trọng tài thương mại.

Điều 2 khoản 2 điều 68 Luật trọng tài thương mại quy định: “ *Phán quyết Trọng tài bị hủy nếu thuộc một trong các trường hợp sau: Phán quyết Trọng tài trái với các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam*”

Điều 2 khoản 2 điều 14 Nghị quyết 01/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao quy định: “ *Tòa án chỉ hủy Phán quyết Trọng tài sau khi đã chỉ ra rằng Phán quyết Trọng tài có nội dung trái với một hoặc nhiều nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam mà Hội đồng trọng tài đã không thực hiện nguyên tắc này khi ban hành Phán quyết Trọng tài và Phán quyết Trọng tài xâm phạm nghiêm trọng lợi ích của Nhà nước lợi ích hợp pháp của một hoặc các bên, người thứ 3*”

Công ty T cho rằng VIAC khi giải quyết vụ việc vi phạm các nguyên tắc cơ bản của Pháp luật Việt Nam, tuy nhiên Công ty T không chỉ ra được Phán quyết trọng tài vi phạm nguyên tắc cơ bản nào của Pháp luật Việt Nam, do vậy yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty T không được chấp nhận.

Khoản 2 điều 15 Nghị quyết 01/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao quy định: “ *Khi xét Đơn yêu cầu Hội đồng xét đơn không xét lại nội dung vụ tranh chấp mà cần kiểm tra phán quyết trọng tài có thuộc một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 điều 68 Luật trọng tài thương mại hay không*”

Tại phiên họp các bên đều thừa nhận trong suốt quá trình giải quyết tại VIAC các bên đều được trình bày và đưa ra các quan điểm để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Mọi yêu cầu của các bên đều được Hội đồng trọng tài xem xét giải quyết. Tại phiên họp không bên nào có yêu cầu phản đối đối với toàn bộ quá trình giải quyết của Hội đồng trọng tài, thấy rằng Hội đồng trọng tài thụ lý và giải quyết vụ việc theo đúng quy định tại điều 68, 71 Luật trọng tài thương mại, do vậy yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty T không được chấp nhận.

Tại phiên họp Công ty T đưa ra các lý do yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài như : Thẩm quyền ký kết các Hợp đồng không đúng, không đồng ý với việc Hội đồng trọng tài cho rằng Công ty T có lỗi khi thực hiện các Hợp đồng có tranh chấp. Xét thấy các lý do mà Công ty T đưa ra để yêu cầu Hủy Phán quyết trọng tài đều là yêu cầu xem xét về nội dung của Phán quyết trọng tài, do vậy căn cứ khoản 4 điều 71 Luật trọng tài thương mại, khoản 2 điều 15 Nghị quyết 01/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao, Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội không xem xét lại nội dung vụ việc, do vậy những lý do yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài nêu trên của Công ty T không được chấp nhận.

Từ những phân tích trên căn cứ khoản 2 điều 68, điều 71 Luật trọng tài thương mại không chấp nhận yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài của Công ty T.

* Về lệ phí: Công ty T phải chịu lệ phí xét đơn yêu cầu hủy Phán quyết trọng tài theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên!

- Căn cứ vào khoản 2 điều 31, khoản 3 điều 414, điều 415 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các điều 13, 68, 69, 71, và 72 Luật trọng tài thương mại;

- Căn cứ Khoản 2,3 điều 3 Quy tắc tố tụng trọng tài VIAC

- Điểm đ khoản 2 điều 14, khoản 2 điều 15 Nghị quyết 01/2014 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối Cao.

- Căn cứ khoản 3 điều 39 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH

1. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty cổ phần đầu tư T về việc hủy Phán quyết trọng tài vụ tranh chấp số 64/20 ngày 11/8/2021 của Hội đồng trọng tài thuộc Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC).

2. Về lệ phí: Công ty cổ phần đầu tư T chịu 500.000đồng (năm trăm ngàn đồng) lệ phí được trừ vào số tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai số 844 ngày 23/06/2022 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký, các bên đương sự, Hội đồng trọng tài không có quyền khiếu nại, kháng cáo, Viện kiểm sát không có quyền kháng nghị.

Nơi nhận:

- Các bên đương sự;
- Hội đồng trọng tài VIAC;
- Cục THADS TP. Hà Nội;
- VKSND TP Hà Nội;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT ĐƠN YÊU CẦU
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Nguyễn Thị Hồng Hạnh

